

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 477/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, giữa những người yêu cầu sau đây:

- Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1977.

CCCD số H1 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/04/2021.

Địa chỉ: **số A, Khu phố D, phường P, tỉnh Vĩnh Long**.

- Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1981.

CCCD số T1 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ: **số A, Khu phố D, phường P, tỉnh Vĩnh Long**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: ông **Trần Văn H** và bà **Đào Thị T** tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/3/1992 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/6/2026, ông **Trần Văn H** và bà **Đào Thị T** tự nguyện ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có **Trần Đăng K**, sinh ngày 14/9/2006, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Tài sản chung và nợ chung: ông **H** và bà **T** cùng khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự: ông **H** và bà **T** phải nộp 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông **Trần Văn H** và bà **Đào Thị T** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: có **Trần Đăng K**, sinh ngày 14/9/2006, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: ông **H** và bà **T** cùng khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: ông **Trần Văn H** và bà **Đào Thị T** phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009292 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông **Trần Văn H** và bà **Đào Thị T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND Khu vực 5 - Vĩnh Long.
- THADS tỉnh Vĩnh Long.
- UBND xã TX, tỉnh Vĩnh Long (ĐKKH tại UBND xã PL, BT, Bến Tre).
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.
- Văn phòng.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương